

TỊ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Bản án số: 1013/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/9/2020  
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1991; thường trú: Số 03 đường P, Phường X, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh; chỗ ở: 156 đường T, phường H, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

*Bị đơn:* Ông Hồ Huỳnh L, sinh năm 1988; thường trú: 100/522 đường T, Phường Z, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh; chỗ ở: tổ A, ấp B, xã Đ, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh T trình bày:*

Bà Nguyễn Thanh T chung sống với ông Hồ Huỳnh L nhưng không đăng ký kết hôn, đến năm 2018 thì hai bên không còn chung sống với nhau nữa do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, cũng từ năm 2018 đến nay hai bên bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà và ông L có 01 con chung là Nguyễn Nhã T, sinh ngày 06/9/2011 do bà đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, giữa bà và ông L không có nợ chung, không có tài sản chung.

*Bị đơn là ông Hồ Huỳnh L được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa:*

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông L chung sống với nhau đến năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn nên họ không được công nhận là vợ chồng, nay bà T có yêu cầu ly hôn thì Tòa án ra bản án không công nhận họ là vợ chồng. Con chung là con gái sinh năm 2011 và đang chung sống cùng bà T. Bà T xác nhận bà và ông L không có tài sản chung, không có nợ chung. Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng; Bị đơn đang cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Hồ Huỳnh L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 43/UBND-XNTTHN ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận Phú Nhuận Tp. Hồ Chí Minh, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thanh T chưa đăng ký kết hôn với ai. Việc bà T và ông L chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, họ không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và

Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận bà T và ông L là vợ chồng.

[3.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ lời khai của bà T, bản sao Trích lục khai sinh số 269/TLKS-BS ngày 07/8/2019 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận Phú Nhuận Tp.Hồ Chí Minh, xác định bà T và ông L có 01 con chung là Nguyễn Nhã T, sinh ngày 06/9/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với thực tế bà T đang là người nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, phù hợp với nguyện vọng của con chung tại bản tự khai 24/02/2020, phù hợp với nội dung Bản cam kết đề ngày 21/10/2019 được cho là do ông Hồ Huỳnh L viết và ký tên được bà T giao nộp cho Tòa án, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, yêu cầu của bà T về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ"*. Ông L vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù nhiều lần trực tiếp ký nhận văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến phản hồi, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thanh T và ông Hồ Huỳnh L là vợ chồng.

- Về con chung và nuôi con chung: có 01 con chung là Nguyễn Nhã T, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2011.

+ Giao cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Nhã T, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2011; tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con đối với ông Hồ Huỳnh L cho đến khi có yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thanh T trình bày không có.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thanh T trình bày không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0077529 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Như vậy, bà Nguyễn Thanh T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

**Phạm Văn Huy**